

Số: 1830 /QĐ-SYT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh lần đầu theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về
Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa
bệnh;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Ủy ban nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố
Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02587/SYT-GPHĐ ngày
20/8/2015 của Sở Y tế cấp cho Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Một thành viên
Viện Gút do bác sỹ Phạm Ngọc Nhữ chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; Quyết định số
959/QĐ-SYT ngày 20/8/2015 của Sở Y tế về việc phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn
đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Một thành viên Viện Gút;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 21/4/2016 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y
tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám đa khoa Viện Gút;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh lần đầu theo Thông
tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Y tế đang được triển khai thực
hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Một thành viên Viện Gút do bác sỹ
Phạm Ngọc Nhữ chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ số 13A đường Hồng Hà,
Phường 2, quận Tân Bình, TPHCM (đính kèm 110 kỹ thuật đúng tuyến, 05 kỹ thuật vượt
tuyến).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho
việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế và là cơ sở để đơn
vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Công ty TNHH Một thành viên Viện Gút, bác sỹ Phạm Ngọc Nhữ có trách nhiệm
đảm bảo về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp để thực hiện các kỹ thuật đã được

phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện các kỹ thuật theo quy định, đề nghị Phòng khám phải chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp nhằm đảm bảo an toàn người bệnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, Công ty TNHH Một thành viên Viện Gút, bác sỹ Phạm Ngọc Nhữ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Phòng Y tế Quận 1;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: Văn phòng Sở.
“ĐQH, LHNT; 04b”.



DANH MỤC ĐÚNG TUYỂN

KỶ THUẬT CƯ DÂN
n theo Quyết định
DANH M

STT	STT THEO 43/2013/T T-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
		A. TUẦN HOÀN				
1	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		C. THẬN – LỘC MÁU				
II. NỘI KHOA						
		A. HÔ HẤP				
2	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
3	85	Điện tim thường	x	x	x	x
4	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
5	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
6	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
7	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC						
		A. CÁC KỸ THUẬT				
8	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
9	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
10	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
11	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
12	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
13	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	
14	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x	
15	148	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x	
16	149	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x	
17	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
18	195	Truyền dịch thường qui	x	x	x	
19	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x	
X. NGOẠI KHOA						
		D. TIÊU HÓA				
20	555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x	
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
21	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
22	860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
23	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
XII. UNG BƯỚU						

		A. ĐẦU-CỔ				
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
24	320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
25	322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
26	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)			x	
27	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)			x	
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
28	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
29	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
30	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
31	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
32	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
33	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x	x	x	
34	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
35	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
36	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x	x	x	x
37	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
38	96	Chụp Xquang cột sống cùng cột thẳng nghiêng	x	x	x	
39	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x	x	x	
40	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
41	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x	x	x	x
42	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
43	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	x	x	
44	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
45	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
46	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
47	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
48	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
49	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
50	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
51	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
52	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
53	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
54	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
55	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
56	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
57	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
58	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
59	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
60	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
61	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	x	x	x	x
62	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x

63	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
64	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU						
65	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
C. TẾ BÀO HỌC						
66	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
67	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
68	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
69	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
70	152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	x	x	x	
71	162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU						
72	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
73	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
XXIII. HÓA SINH						
A. MÁU						
74	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
75	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
76	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x	
77	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
78	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
79	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
80	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
81	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
82	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
83	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
84	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
85	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
86	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
87	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
88	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
89	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
90	76	Định lượng Globulin	x	x	x	
91	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	x	x	x	
92	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
93	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
94	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
95	128	Định lượng Phospho	x	x	x	
96	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
97	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
98	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	

HỢT CHỮ
SỞ
T
HỢT CHỮ

99	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
100	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
101	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
102	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
103	180	Định lượng Canxi	x	x	x	
104	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
105	185	Định lượng Dur-ơng chấp	x	x	x	
106	186	Định tính Dur-ơng chấp	x	x	x	
107	187	Định lượng Glucose	x	x	x	
108	201	Định lượng Protein	x	x	x	
109	205	Định lượng Ure	x	x	x	
110	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x

DANH MỤC KỸ THUẬT CỦA PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VIỆN GÚT DANH MỤC VƯỢT TUYỂN

(ban hành kèm theo Quyết định số...1830...ngày 25/4/18 của Sở Y tế TPHCM).

STT	STT THEO 43/2013/T T-BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
X. NGOẠI KHOA						
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
1	809	Phẫu thuật vết thương bàn tay	x	x		
2	832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
3	833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x		
4	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
5	847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x		





11/11/2020 10:11:11 AM

